TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh Hường

Ông Phạm Đức Anh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 08 năm 2020 về việc "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2021/QĐHPT-ST ngày 06 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2021/ QĐHPT-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Võ Hữu T , sinh năm: 1967.

ĐKTT: Ấp 2, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1970.

ĐKTT: Ấp 2, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên ông Võ Hữu T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị M tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 1995 tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Cuộc sống chung của ông bà hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, bà

M vay tiền bà Trịnh Thị Ngân T nhưng không báo cho ông biết nên ông bà cãi vã, xô xát nhau. Hiện nay, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng nên ông yêu cầu được ly hôn với bà M.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Võ Hữu Phi S, sinh năm 1998 và Võ Hữu Hồng C, sinh năm 2001. Các con chung của ông bà đều đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà có tài sản chung là căn nhà xây cấp 4 xây trên phần đất của cha mẹ ông T, một số cây kiểng là cây mai và cây lan, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà có nợ chung là nợ bà Trịnh Thị Ngân T, nhưng bà T đã khởi kiện bằng vụ án khác và giải quyết xong theo bản án số 01/2019/DS-ST ngày 04/01/2019. Ngoài ra, ông bà không có khoản nợ nào khác.

Ông Võ Hữu T xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: bà thống nhất với lời trình bày của ông T về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Cuộc sống chung của ông bà có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như ông T trình bày. Nguyên nhân mẫu thuẫn giữa ông bà là do bà vay tiền của bà Trịnh Thị Ngân T nhưng không báo với ông T do khoản nợ chưa trả hết tại cơ quan Thi hành án nên ông bà thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nhau, mỗi khi cãi vã, xô xát thì bà phải đi nơi khác sống tạm mấy tháng.

Bà không đồng ý ly hôn với ông T. Bà sẽ thanh toán khoản nợ cho bà T và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về trả lại cho ông T để hòa giải vợ chồng.

Về con chung: ông bà có 02 con chung như ông T trình bày. Các con chung của ông bà đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: ông bà có tài sản chung là căn nhà xây cấp 4 xây trên phần đất của cha mẹ ông T, một số cây kiểng là cây mai và cây lan. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của ông bà trong vụ án.

Về nợ chung: ông bà có nợ chung là nợ của bà Trịnh Thị Ngân T, nhưng khoản nợ này đã được Tòa án giải quyết bằng Bản án số 01/2019/DS-ST ngày 04/01/2019. Ngoài ra, ông bà không còn khoản nợ nào khác.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Võ Hữu T được ly hôn với bà Nguyễn Thị M. Về con chung: vợ chồng có con chung là Võ Hữu Phi S, sinh năm 1998 và Võ Hữu Hồng C, sinh năm 2001 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên đề nghị không giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng và về thẩm quyền giải quyết:

Ông Võ Hữu T có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị M, do đó xác định ông Võ Hữu T là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị M là bị đơn.

Bà Nguyễn Thị M có nơi cư trú tại ấp 2, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc. Bà Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, do đó xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Võ Hữu T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Hữu T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Hữu T và bà Nguyễn Thị M tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 1995 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Ông Võ Hữu T và bà Nguyễn Thị M đều thừa nhận cuộc sống chung của ông bà có mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, bà M vay tiền bà Trịnh Thị Ngân T nhưng không báo cho ông T biết nên ông bà cãi vã, xô xát nhau thường xuyên. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của ông T và bà M mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên

chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà M là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Con chung của ông T - bà M là Võ Hữu Phi S, sinh năm 1998 và Võ Hữu Hồng C, sinh năm 2001 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: ông bà đều xác nhận có tài sản chung là căn nhà xây cấp 4 xây trên phần đất của cha mẹ ông T, một số cây kiểng là cây mai và cây lan. Ông T bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của ông bà trong vụ án nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung:

Ông T - bà M đều thừa nhận ông bà có nợ của bà Trịnh Thị Ngân T, nhưng khoản nợ này đã được giải quyết bằng Bản án số 01/2019/DS-ST ngày 04/01/2019. Ngoài ra, ông bà không còn khoản nợ nào khác nên không yêu cầu giải quyết. Quá trình thu thập chứng cứ, bà Trịnh Thị Ngân T trình bày khoản nợ chung mà ông T bà M vay của bà đã được Tòa án giải quyết bằng Bản án số 01/2019/DS-ST ngày 04/01/2019 nên bà T không tranh chấp và không có yêu cầu khởi kiện trong vụ án này. Bà Trịnh Thị Ngân T đề nghị không đưa bà vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Ông T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho ông Võ Hữu T được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: không giải quyết.

4. Về nợ chung: không giải quyết.

5. Về án phí: Ông Võ Hữu T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí ông Võ Hữu T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0004008 ngày 01 tháng 8 năm 2020 được khấu trừ vào án phí, ông Võ Hữu T đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Võ Hữu T và bà Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết .

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thanh